TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019 /DS-ST

Ngày 24 tháng 10 năm 2019

V/V: "Tranh chấp hợp đồng dân sự"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngọ Thị Thanh Hảo

Các hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn Văn Bảng;

2, Bà Nguyễn Thị Vượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2019 về *"Tranh chấp về hợp đồng hợp tác bán hàng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa:

+ Nguyên đơn: Ông Hoàng Quang Q, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 31, ngõ 267 P, phường T, quận N, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

+ Bị đơn: Công ty cổ phần L Việt Nam

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần L Việt Nam

Địa chỉ trụ sở: N24, khu dân cư sỹ quan - Quân đoàn 2, đường H, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tiến hành tố tụng cũng như

tại phiên tòa ông Hoàng Quang Q trình bày: Ông có ký Hợp đồng hợp tác bán hàng số 0089918/HĐ-LMTD, ngày 14/4/2015 với Công ty cổ phần L Việt Nam có địa chỉ tại đường Á Lữ, phường Trần Phú, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, do ông Nguyễn Văn C - Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật. Khi ký hợp đồng ông không phải nộp tiền gì, chỉ trong quá trình hoạt động ông có mua hàng của Công ty. Mọi hoạt động mua bán hàng đều được thực hiện tại 252, đường H, quận B, thành phố Hà Nội.

Quá trình hoạt động bán hàng ông đã mua tổng số 201mã hàng chủ yếu là Sâm Hàn Quốc, trị giá mỗi gói hàng là 9.888.000 đồng x 201 gói = 1.987.488.000. đồng.

Sau khi mua hàng thì Công ty có ghi phiếu đặt hàng và đơn tự nguyện xin gửi hàng hóa cho ông, không có hóa đơn mua hàng. Do vậy ông không có hóa đơn nộp cho Tòa án.

Trong số 201 mã hàng, ông đã lấy 11 mã hàng, số hàng còn lại là 190 mã tương đương với số tiền 1.878.720.000 đồng.

Ông có nhận được tiền hoa hồng của Công ty trả khoảng 200.000.000 đồng, trả làm nhiều đợt, ông không nhớ chính xác.

Số tiền đến nay Công ty còn nợ ông là 1.878.720.000 đồng, nay ông yêu cầu Công ty trả cho ông số tiền của trị giá các gói hàng Công ty còn nợ và tiền lãi của số tiền này từ tháng 10/2016 đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất quy định của pháp luật. Lý do ông yêu cầu Tòa án tính lãi từ tháng 10/2016 vì thời điểm này Công ty đã bị thu hồi giấy chứng nhận bán hàng đa cấp và Công ty cũng không có hàng trả cho ông.

Tổng số tiền lãi ông tạm tính đến tháng 8/2019 đề nghị Tòa án buộc Công ty phải trả ông là 34 tháng x 1.878.720.000 đồng x 1,66%/ tháng = 1.060.249.500 đồng.

Ông ký hợp đồng với Công ty L Việt Nam, sau khi Công ty bị thu hồi giấy phép bán hàng đa cấp ông có đến Công ty nhiều lần đề nghị thanh lý hợp đồng và trả ông tiền nhưng Công ty không thanh lý hợp đồng cho ông. Ông không yêu cầu triệu tập chị Trần Thị N là kế toán là người đã xác nhận vào đơn đề nghị tự nguyện xin gửi hàng hóa và người viết phiếu thu cho ông là Nguyễn Thị Mỹ L vì hai chị

này ông không biết địa chỉ cụ thể ở đâu. Số tiền mua hàng của Công ty là tiền của cá nhân ông không liên quan gì đến vợ và con ông

Tại phiên tòa ông Hoàng Quang Q trình bày: Do nhận thức pháp luật còn hạn chế, mặt khác Công ty cổ phần L Việt Nam có những hứa hẹn trả thưởng cao, do vậy ông đã đi vay tiền để mua hàng của Công ty. Khi ông mua hàng của Công ty thì Công ty viết cho ông Phiếu đặt hàng, ông là người giữ phiếu đặt hàng, còn khi ông lấy hàng của Công ty thì ông phải trả lại cho Công ty phiếu đặt hàng. Ông có nộp cho Tòa án giấy xác nhận đã lấy sản phẩm, trong đó có ghi số lượng 50, giấy này Công ty đưa cho ông nhưng ông chưa ký vào người nhận hàng vì ông chưa lấy hàng. Ông đã lấy 11 gói hàng và ông đã đưa lại cho Công ty 11 phiếu đặt hàng. Nay ông còn lại 190 gói hàng, trị giá mỗi gói hàng là 9.888.000 đồng. Ông yêu cầu Công ty cổ phần L Việt Nam phải trả ông số tiền 1.878.720.000 đồng tương đương với 190 gói hàng ông chưa lấy. Ông xin rút yêu cầu đòi tiền lãi là 1.060.249.500 đồng. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thu thập tài liệu chứng cứ từ các vụ án khác do Cục Quản lý cạnh tranh nay là Cục cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng- Bộ Công thương cung cấp cho Tòa án tài liệu liên quan đến Công ty cổ phần L Việt Nam, bao gồm:

- Bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao Quyết định số 252/QĐ-QLCT ngày 03/10/2016 của Cục Quản lý cạnh tranh về việc xử lý vụ việc cạnh tranh đối với Công ty. Trong Quyết định có nội dung: Công ty cổ phần L Việt Nam không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp khi có thay đổi, bổ sung liên quan đến Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10, Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp không bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã

thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với cá nhân không đủ điều kiện tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 19- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đào tạo cơ bản đối với người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi duy trì nhiều hơn một vị trí kinh doanh đa cấp, hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số kinh doanh đa cấp hoặc các hình thức khác tương đương đối với một người tham gia bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại điểm p khoản 1 Điều 5 Nghị định 42/2014/NĐ-CP. Công ty đã vi phạm các quy định của Nghị định 42 về bán hàng đa cấp và quá trình hoạt động bán hàng đa cấp, Công ty đã có nhiều sai phạm nên Cục quản lý cạnh tranh, Bộ Công thương đã ra Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh đối với Công ty. Ngoài hình thức phạt tiền, Cục quản lý cạnh tranh còn áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là "Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP", Công ty cổ phần L Việt Nam không còn tư cách về mặt chủ thể để tham gia bán hàng đa cấp.

+ Tòa án đã niêm yết toàn bộ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và các giấy tờ khác của Tòa án tại nơi Công ty cổ phần L Việt Nam đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, nhưng đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần L Việt Nam không đến Tòa án để viết bản tự khai và hòa giải.

+ Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng không hòa giải được vì đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần L Việt Nam vắng mặt không có lý do và nguyên đơn đề nghị không hòa giải.

+ Ngày 07/10/2019, Tòa án mở phiên tòa nhưng do bị đơn vắng mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn, chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của ông Hoàng Quang Q buộc Công ty cổ phần L Việt Nam phải trả cho ông Q số tiền 1.878.720.000 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu đòi tiền lãi của ông Q. Về án phí: Công ty cổ phần L Việt Nam phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thấy: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án thì thấy: Ngày 14/4/2015 Công ty cổ phần L Việt Nam và ông Hoàng Quang Q đã ký Hợp đồng Hợp tác bán hàng số 0089918/HĐ-LMTD. Thời gian là 01 năm và có hiệu lực pháp lý kể từ thời điểm hai bên ký kết. Quan hệ tranh chấp giữa ông Q với Công ty cổ phần L Việt Nam là quan hệ dân sự giữa cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh với pháp nhân có giấy phép đăng ký kinh doanh về bán hàng đa cấp. Khi có tranh chấp, các bên không tự giải quyết được, ông Q làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết, đây là "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự*". Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty cổ phần L Việt Nam phải trả 190 mã hàng tương đương với số tiền 1.878.720.000 đồng thì thấy: Ông Hoàng Quang Q có ký hợp đồng hợp tác bán hàng số 0089918/HĐ-LMTD

ngày 14/4/2015 với Công ty cổ phần L Việt Nam, ông Hoàng Quang Q có mua của Công ty cổ phần L Việt Nam 201 gói sản phẩm Sâm Hàn Quốc, trị giá mỗi gói sản phẩm là 9.888.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng mua 201 gói sản phẩm, ông Hoàng Quang Q có Phiếu đặt hàng và đơn đề nghị tự nguyện xin gửi hàng hóa tại Công ty cổ phần L Việt Nam số 01/ĐN-LMTD ngày 08/5/2015 và 100 phiếu đặt hàng gồm các số Seri 0047304; 0045301 đến 0045331; 0045333 đến 0045350; 0036710 đến 0036750. Ông Q đã lấy 11 gói sản phẩm, số sản phẩm còn lại là 190 gói.

Ngày 03/10/2016, cục quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương có Quyết định về việc xử lý vụ việc cạnh tranh số 252/QĐ-QLCT đối với Công ty cổ phần L Việt Nam. Tại Quyết định trên thì Công ty cổ phần L Việt Nam đã bị áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP. Sau khi bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, ông Q nhiều lần yêu cầu Công ty cổ phần L Việt Nam thanh lý hợp đồng và thanh toán số tiền của 190 gói hàng nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết.

Ông Hoàng Quang Q yêu cầu Công ty cổ phần L Việt Nam phải trả số tiền trị giá của 190 gói hàng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và điểm c khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BCT ngày 30/07/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Quang Q.

[3]. Đối với yêu cầu đòi tiền lãi của số tiền 1.878.720.000 đồng thì thấy: Tại phiên tòa ông Q rút yêu cầu đòi tiền lãi là tự nguyện. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với việc rút yêu cầu của ông Q và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự .

[4]. Đối với số tiền 200.000.000 đồng Công ty cổ phần L Việt Nam đã trả tiền hoa hồng cho ông Hoàng Quang Q, nếu sau này Công ty cổ phần L Việt Nam có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Yêu cầu của ông Hoàng Quang Q được chấp nhận, do vậy Công ty cổ phần L Việt Nam phải chịu án phí DSST là phù hợp với quy định tại

khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Buộc Công ty cổ phần L Việt Nam phải trả cho ông Hoàng Quang Q số tiền 1.878.720.000 đồng (Một tỷ tám trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

2.2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Hoàng Quang Q đối với Công ty cổ phần L Việt Nam phải trả tiền lãi của số tiền 1.878.720.000 đồng.

2.3. Về án phí:

2.3.1.Công ty cổ phần L Việt Nam phải chịu 68.361.600 đồng án phí DSST.

2.3.2. Hoàn trả ông Hoàng Quang Q số tiền tạm ứng án phí là 56.232.743 đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000508 ngày 25 tháng 7 năm 2019 và số AA/2016/0000579 ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B.

2.4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

2.6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận* :**
- *VKSND TP B;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;*
- *Chi cục THA dân sự thành phố B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Ngọ Thị Thanh Hảo